

(Theo Quyết định 2704/QĐ-SGDĐT của Sở GDĐT Lâm Đồng)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	Lớp 9		Tên trường lớp 9	Tuyển thăng	Ghi chú
									ĐTB	Toán , Văn			
1	TRẦN THẢO HUYỀN	11/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	1.5	40.0	42.5	8.4	16.1	Trường THCS Đức Bình	Đạt giải cấp quốc gia và quốc tế về VH, VN, TĐTT	TT
2	GIA LÊ BẢO NGHI	26/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	39.0	40.0	9.0	17.2	Trường THCS Tân Thành	Đạt giải cấp quốc gia và quốc tế về VH, VN, TĐTT	TT
3	NGUYỄN TÂN PHÚC	04/09/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	39.0	39.0	9.1	18.1	Trường THCS Lạc Tánh	Đạt giải cấp quốc gia và quốc tế về VH, VN, TĐTT	TT
4	GIA THỊ NGỌC NI	10/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	36.0	37.0	8.1	17.3	Trường PT DTNT THCS Tánh Linh	TN THCS trường PT DTNT	TT
5	ĐẶNG THỊ KIM ÁI	18/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	36.0	37.0	7.6	15.5	Trường PT DTNT THCS Tánh Linh	TN THCS trường PT DTNT	TT
6	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	09/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	36.0	36.0	8.1	15.0	Trường THCS Gia An	Khuyết tật	TT
7	THÔNG THỊ Ý NHI	11/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	35.0	36.0	7.7	15.2	Trường PT DTNT THCS Tánh Linh	TN THCS trường PT DTNT	TT
8	TRỊNH THÙY DƯƠNG	25/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	35.0	35.0	8.6	17.0	Trường THCS Duy Cẩn	Khuyết tật	TT
9	ĐÀO THỊ TUYẾT NHI	08/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	34.0	35.0	8.0	16.7	Trường PT DTNT THCS Tánh Linh	TN THCS trường PT DTNT	TT
10	THÔNG THỊ TUYẾT NHUNG	16/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	33.0	34.0	7.3	13.9	Trường PT DTNT THCS Tánh Linh	TN THCS trường PT DTNT	TT
11	NGUYỄN QUỐC HỮU	30/08/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	32.0	32.0	7.9	14.6	Trường THCS Duy Cẩn	Đạt giải cấp quốc gia và quốc tế về VH, VN, TĐTT	TT
12	THÔNG THỊ BẢO TRẦN	21/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	30.0	31.0	7.3	14.0	Trường PT DTNT THCS Tánh Linh	TN THCS trường PT DTNT	TT
13	ĐỒNG THỊ XUÂN HẠ	02/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	30.0	31.0	7.1	13.8	Trường PT DTNT THCS Tánh Linh	TN THCS trường PT DTNT	TT
14	NGUYỄN THỊ HUỖNH HƯƠNG	17/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	30.0	31.0	5.3	9.5	Trường THCS Đức Thuận	Khuyết tật	TT
15	HÀ VĂN QUANG LONG	03/06/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	30.0	30.0	8.2	14.9	Trường THCS Lạc Tánh	Đạt giải cấp quốc gia và quốc tế về VH, VN, TĐTT	TT

16	THÔNG THỊ TUYẾT MAI	15/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	29.0	30.0	6.7	12.6	Trưởng PT DTNT THCS Tánh Linh	TN THCS trưởng PT DTNT	TT
17	HÀ THỊ QUỲNH THU	19/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	28.0	29.0	7.2	13.7	Trưởng PT DTNT THCS Tánh Linh	TN THCS trưởng PT DTNT	TT
18	NGUYỄN HUỲNH BẢO TRÂM	08/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	27.0	28.0	7.2	15.7	Trưởng PT DTNT THCS Tánh Linh	TN THCS trưởng PT DTNT	TT
19	THÔNG THỊ ÚT VÂN	04/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	27.0	28.0	7.1	12.8	Trưởng PT DTNT THCS Tánh Linh	TN THCS trưởng PT DTNT	TT
20	THÔNG ĐÀO VY OANH	01/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	27.0	28.0	6.9	13.0	Trưởng PT DTNT THCS Tánh Linh	TN THCS trưởng PT DTNT	TT
21	THỊ KIM THU	29/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	27.0	28.0	6.3	11.3	Trưởng PT DTNT THCS Tánh Linh	TN THCS trưởng PT DTNT	TT
22	LÊ TRẦN GIA HUY	06/03/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	1.5	25.0	27.5	7.0	11.6	Trưởng THCS Đức Bình	Đạt giải cấp quốc gia và quốc tế về VH, VN, TDĐT	TT
23	PỒ ĐAM MINH XUÔNG	26/11/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	26.0	27.0	7.0	13.2	Trưởng PT DTNT THCS Tánh Linh	TN THCS trưởng PT DTNT	TT
24	ĐÌNH NGỎ QUỐC VINH	04/11/2009	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	6.5	11.4	Trưởng THCS Duy Cẩn	Khuyết tật	TT
25	THỊ KIM THU	16/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	26.0	27.0	6.4	11.4	Trưởng PT DTNT THCS Tánh Linh	TN THCS trưởng PT DTNT	TT
26	THÔNG THỊ THANH TRÀ	13/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	25.0	26.0	6.7	12.6	Trưởng PT DTNT THCS Tánh Linh	TN THCS trưởng PT DTNT	TT
27	NGÔ HÀ NGỌC YÊN	13/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	25.0	26.0	6.4	12.0	Trưởng PT DTNT THCS Tánh Linh	TN THCS trưởng PT DTNT	TT
28	THÔNG CHÔ	12/08/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	25.0	26.0	6.0	11.4	Trưởng PT DTNT THCS Tánh Linh	TN THCS trưởng PT DTNT	TT
29	THÔNG THỊ THỦY LINH	15/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	24.0	25.0	6.7	12.9	Trưởng PT DTNT THCS Tánh Linh	TN THCS trưởng PT DTNT	TT
30	TRƯƠNG VĂN ANH ĐỨC	22/06/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	25.0	25.0	6.5	12.2	Trưởng THCS Đức Thuận	Vận động viên danh huy	TT
31	HOÀNG CÔNG NHẬT LONG	12/12/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	25.0	25.0	6.4	11.9	Trưởng THCS Đức Thuận	Khuyết tật	TT
32	ĐỒNG MINH KHOA	27/08/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	24.0	25.0	6.2	11.6	Trưởng PT DTNT THCS Tánh Linh	TN THCS trưởng PT DTNT	TT
33	BỜ ĐAM TRƯỜNG THỌ	07/04/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	24.0	25.0	6.1	11.0	Trưởng PT DTNT THCS Tánh Linh	TN THCS trưởng PT DTNT	TT

34	LÊ HOÀNG NA	UY	24/04/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	22.0	23.0	6.0	11.2	Trường PT DTNT THCS Tánh Linh	TN THCS trường PT DTNT	TT
35	LÊ TẤN	KIỆT	24/02/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	0.0	0.0	0	0	Trường THCS Lạc Tánh	Khuyết tật	TT
36	TRẦN TUẤN	HUY	02/02/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	40.0	41.0	9.6	18.9	Trường THCS Đức Bình		NV1
37	TRỊNH THANH	HĂNG	18/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	40.0	41.0	9.6	18.8	Trường THCS Suối Kiết		NV1
38	NGUYỄN ĐÌNH THỦY	DƯƠNG	08/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	40.0	41.0	9.5	18.1	Trường THCS Suối Kiết		NV1
39	NGUYỄN HẢI	YẾN	05/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	40.0	41.0	9.4	18.4	Trường THCS Đức Bình		NV1
40	TRẦN KIM ÁNH	NGUYỆT	13/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	40.0	41.0	9.3	17.8	Trường THCS Suối Kiết		NV1
41	NGUYỄN HỮU VIỆT	KHOA	04/09/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	40.0	41.0	9.3	16.9	Trường THCS Đồng Kho		NV1
42	HỒ THÁI ÁNH	DƯƠNG	05/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	40.0	41.0	9.2	18.5	Trường THCS Đức Bình		NV1
43	TRẦN THỊ MINH	TRÚC	08/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	40.0	41.0	9.2	18.0	Trường THCS Đồng Kho		NV1
44	NGUYỄN NHÃ	PHƯƠNG	20/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	40.0	41.0	9.2	18.0	Trường THCS Đồng Kho		NV1
45	NGUYỄN HỮU	TRÍ	17/08/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	40.0	41.0	9.2	17.9	Trường THCS Huy Khiêm		NV1
46	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	19/08/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	40.0	41.0	9.2	17.4	Trường THCS Đức Thuận		NV1
47	NGÔ NGUYỄN ÁNH	HUỆ	14/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	40.0	41.0	9.2	17.3	Trường THCS Suối Kiết		NV1
48	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	09/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	40.0	41.0	9.2	15.9	Trường THCS Đồng Kho		NV1
49	TRIỆU LÂM NHẬT	ANH	18/04/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	40.0	41.0	9.1	17.5	Trường THCS Tân Thành		NV1
50	PHAN LÊ TRUNG	KIỆN	26/03/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	40.0	41.0	9.1	17.2	Trường THCS Đồng Kho		NV1
51	LÊ HOÀNG THỦY	TIỀN	27/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	40.0	41.0	9.0	16.5	Trường THCS Đồng Kho		NV1
52	ĐỖ NGỌC	TÂM	15/11/2011	TP. Đồng Nai	Nam	1.0	0	40.0	41.0	9.0	16.4	Trường THCS Suối Kiết		NV1
53	NGUYỄN HUỲNH MINH	ANH	19/05/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	1.0	0	40.0	41.0	8.9	17.6	Trường THCS Suối Kiết		NV1
54	HỒ PHẠM THANH	TRÚC	14/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	40.0	41.0	8.9	17.2	Trường THCS Suối Kiết		NV1
55	ĐẶNG THỊ BÍCH	NGỌC	25/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	40.0	41.0	8.9	16.8	Trường THCS Đồng Kho		NV1
56	TRẦN NGỌC THẢO	LY	15/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	40.0	41.0	8.9	16.3	Trường THCS Đồng Kho		NV1
57	HỒ LÊ THANH	HIỀN	05/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	40.0	41.0	8.8	16.2	Trường THCS Suối Kiết		NV1
58	TRẦN THỊ BẢO	NGỌC	20/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	40.0	41.0	8.7	17.1	Trường THCS Đức Bình		NV1
59	TRẦN UYÊN	NHI	21/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	40.0	41.0	8.7	14.9	Trường THCS Đồng Kho		NV1
60	TRƯƠNG NGỌC BẢO	KHANG	18/01/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0.5	40.0	40.5	9.5	17.8	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
61	NGUYỄN HOÀI BẢO	NAM	21/02/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	9.9	19.5	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
62	LƯU MAI BẢO	NGÂN	02/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.7	19.4	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
63	HOÀNG SỸ	SANG	08/02/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	9.7	19.1	Trường THCS Tân Thành		NV1
64	NGUYỄN THỊ THANH	NHÂN	20/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.7	19.0	Trường THCS Duy Cẩn		NV1
65	NGUYỄN THỊ THẢO	NHI	23/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.6	19.4	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
66	HẦU THANH	NHÂN	21/08/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	0	0	40.0	40.0	9.6	19.1	Trường THCS Gia Huỳnh		NV1
67	DƯƠNG VÕ ANH	THỨ	03/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.6	18.5	Trường THCS Đức Thuận		NV1
68	LÊ PHƯƠNG	SANG	14/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.5	18.8	Trường THCS Duy Cẩn		NV1
69	TRẦN NGUYỄN THẢO	VY	05/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.5	18.7	Trường THCS Gia An		NV1
70	NGUYỄN ĐĂNG NHẬT	HUY	12/10/2011	TP. Huế	Nam	0	0	40.0	40.0	9.5	18.6	Trường THPT Tánh Linh		NV1

71	LÊ MINH CHÂU	01/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.5	18.6	Trường THCS Đức Thuận		NV1
72	PHAN TRẦN HOÀI VÂN	09/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.5	18.6	Trường THCS Gia Huynh		NV1
73	HỨA HIẾU THY	12/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.5	18.3	Trường THCS Đức Thuận		NV1
74	MAI NGỌC VIÊN	16/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.5	18.1	Trường THCS Đức Thuận		NV1
75	NGUYỄN LÊ BẢO UYÊN	01/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.5	18.1	Trường THCS Tân Thành		NV1
76	TRẦN NGUYỄN QUỲNH ANH	29/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.4	18.8	Trường THCS Gia Huynh		NV1
77	MAI HOÀNG TUỆ NHI	12/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.4	18.7	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
78	NGUYỄN ĐỖ GIA HÂN	20/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.4	18.7	Trường THCS Gia Huynh		NV1
79	NGUYỄN THỊ KIM THOA	10/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.4	18.6	Trường THCS Duy Cẩn		NV1
80	NGUYỄN ANH NHÃ UYÊN	23/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.4	18.6	Trường THCS Đức Thuận		NV1
81	TRƯƠNG VĂN GIA HUY	25/06/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	9.4	18.5	Trường THCS Đức Thuận		NV1
82	DƯƠNG THANH NGÂN	25/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.4	18.5	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
83	HUỲNH NHÃ UYÊN	25/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.4	18.4	Trường THCS Đức Thuận		NV1
84	NGUYỄN PHAN THẢO QUỲNH	19/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.4	18.2	Trường THCS Duy Cẩn		NV1
85	PHẠM THỊ HOÀI ANH	18/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.4	17.8	Trường THCS Duy Cẩn		NV1
86	NGUYỄN PHẠM NGỌC HẠNH	07/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.4	17.7	Trường THCS Tân Thành		NV1
87	HỒ KHÁNH LY	01/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.4	17.6	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
88	NGUYỄN HUỶNH HẢI ANH	20/06/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	0	0	40.0	40.0	9.3	18.3	Trường THCS Đức Thuận		NV1
89	PHAN ĐOÀN GIA BẢO	28/11/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	9.3	18.3	Trường THCS Gia An		NV1
90	NGUYỄN PHƯƠNG TRINH	07/08/2011	Đắk Lắk	Nữ	1.0	0	39.0	40.0	9.3	18.2	Trường THCS Đức Bình		NV1
91	LÊ TRẦN NHƯ NGỌC	29/07/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.3	18.2	Trường THCS Gia An		NV1
92	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	20/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.3	18.2	Trường THCS Duy Cẩn		NV1
93	HOÀNG NGỌC MAI THẢO	22/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.3	18.2	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
94	NGUYỄN HUY BẢO	26/07/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	9.3	18.2	Trường THCS Đức Thuận		NV1
95	LÊ THỊ KIM NGỌC	20/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.3	18.0	Trường THCS Tân Thành		NV1
96	TRẦN VŨ TRÂM ANH	26/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.3	17.8	Trường THCS Đức Thuận		NV1
97	PHẠM DANH NHẬT NAM	03/01/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	9.3	17.7	Trường THCS Đức Thuận		NV1
98	PHẠM ANH KHOA	22/04/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	9.3	17.7	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
99	NGÔ TRÍ VỸ	29/03/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	9.3	17.6	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
100	PHAN HOÀNG LONG	23/03/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	9.3	17.6	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
101	LƯƠNG NHÃ PHƯƠNG	11/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.3	17.6	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
102	LÊ HUỲNH THANH TRÚC	08/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.3	17.6	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
103	CAO PHAN YẾN NHI	18/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.3	17.5	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
104	NGUYỄN TIẾN DŨNG	29/12/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	9.2	18.5	Trường THCS Gia Huynh		NV1
105	TRƯƠNG THỊ THU PHƯƠNG	16/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.2	18.3	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
106	VŨ YẾN CHI	01/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.2	17.9	Trường THCS Đức Thuận		NV1
107	PHAN ĐẶNG THANH HÀ	09/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.2	17.8	Trường THCS Gia Huynh		NV1
108	PHẠM THỊ QUỲNH NHƯ	11/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.2	17.7	Trường THCS Gia An		NV1

109	NGUYỄN THU	THỦY	08/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.2	17.7	Trường THCS Đức Thuận		NV1
110	PHẠM XUÂN	VIỆT	18/02/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	9.2	17.7	Trường THCS Gia An		NV1
111	LÊ ANH	THỨ	21/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.2	17.1	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
112	ĐẶNG ANH	KHOA	18/03/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	9.2	17.0	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
113	VŨ ĐỖ THANH	BÌNH	26/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.2	17.0	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
114	NGUYỄN HOÀNG	DUY	22/03/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	9.1	18.6	Trường THCS Đức Phú		NV1
115	LÊ THANH	TÂN	07/11/2011	Thanh Hóa	Nam	0	0	40.0	40.0	9.1	17.8	Trường THCS Đức Thuận		NV1
116	LÊ NHẬT	HUY	27/02/2011	TP. Huế	Nam	0	0	40.0	40.0	9.1	17.7	Trường THCS Gia Huynh		NV1
117	NGUYỄN LÊ KIM	NGÂN	29/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.1	17.7	Trường THCS Gia An		NV1
118	LÊ NGỌC QUỐC	THẮNG	08/11/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	9.1	17.5	Trường THCS Gia An		NV1
119	PHAN THỊ MINH	THI	04/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.1	17.4	Trường THCS Đức Thuận		NV1
120	TRẦN HUỖNH NGỌC	THỊNH	29/11/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	0	0	40.0	40.0	9.1	17.4	Trường THCS Gia Huynh		NV1
121	ĐẶNG HUỖNH HẢI	BĂNG	09/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.1	17.3	Trường THCS Gia An		NV1
122	ĐẶNG NGUYỄN BẢO	NGỌC	04/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.1	17.3	Trường THCS Đức Thuận		NV1
123	LÊ ANH	THỨ	14/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.1	17.0	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
124	TRẦN NGỌC	NHI	11/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.0	17.7	Trường THCS Đức Thuận		NV1
125	NGUYỄN THỊ THANH	AN	12/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.0	17.7	Trường THCS Đức Thuận		NV1
126	NGUYỄN VŨ KIM	NGÂN	30/09/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.0	17.5	Trường THCS Đức Thuận		NV1
127	NGUYỄN ĐĂNG	TÚ	16/03/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	9.0	17.5	Trường THCS Đức Thuận		NV1
128	LÊ THỊ THÙY	GIANG	03/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.0	17.3	Trường THCS Gia An		NV1
129	HOÀNG NGUYỄN MINH	BÌNH	17/07/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	39.0	40.0	9.0	17.1	Trường THCS Đức Bình		NV1
130	TRƯƠNG TẤN	KIỆT	20/02/2011	Thanh Hóa	Nam	1.0	0	39.0	40.0	9.0	16.9	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
131	NGUYỄN PHẠM THẢO	MY	09/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	9.0	16.9	Trường THCS Đức Thuận		NV1
132	NGUYỄN TRUNG	THIỆN	29/11/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	9.0	16.6	Trường THCS Duy Cẩn		NV1
133	PHAN THỊ BẢO	YẾN	01/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	8.9	17.6	Trường THCS Gia An		NV1
134	NGUYỄN PHƯƠNG HƯƠNG	TRÂM	05/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	8.9	17.4	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
135	NGUYỄN CÔNG	QUÂN	20/11/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	8.9	17.2	Trường THCS Tân Thành		NV1
136	TRẦN THỊ PHƯƠNG	LINH	09/03/2011	Lào Cai	Nữ	0	0	40.0	40.0	8.9	17.0	Trường THCS Đức Thuận		NV1
137	LÊ TRỌNG	TẤN	18/06/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	8.9	17.0	Trường THCS Đức Thuận		NV1
138	LÊ VIỆT	ANH	26/05/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	8.9	16.9	Trường THCS Đức Thuận		NV1
139	PHẠM QUANG	SANG	13/10/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	0	0	40.0	40.0	8.8	17.2	Trường THCS Đức Thuận		NV1
140	NGUYỄN THANH	BÌNH	11/06/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	8.8	17.0	Trường THCS Gia An		NV1
141	TRẦN BẢO	HÂN	09/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	8.8	16.9	Trường THCS Đức Thuận		NV1
142	LÊ HUY	QUANG	06/04/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	8.8	16.8	Trường THCS Đức Thuận		NV1
143	NGÔ THỊ HỒNG	NGỌC	05/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	8.8	16.8	Trường THCS Gia Huynh		NV1
144	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	09/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	8.8	16.6	Trường THCS Gia An		NV1
145	MAI NHẬT	TUYÊN	26/06/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	39.0	40.0	8.8	16.6	Trường THCS Suối Kiết		NV1
146	NGUYỄN TUẤN	KHANG	23/01/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	8.8	16.6	Trường THCS Gia An		NV1

147	ĐOÀN DIỆP	ANH	01/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	8.8	16.4	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
148	NGUYỄN THÚY	KIỀU	25/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	39.0	40.0	8.8	16.3	Trường THCS Suối Kiết		NV1
149	VŨ HOÀNG ĐỨC	MINH	23/12/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	8.8	16.0	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
150	PHAN THỊ HÀ	LAN	01/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	39.0	40.0	8.7	17.6	Trường THCS Huy Khiêm		NV1
151	NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	03/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	8.7	17.1	Trường THCS Đức Thuận		NV1
152	NGUYỄN TRẦN QUỐC	ANH	24/09/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	8.7	16.7	Trường THCS Gia An		NV1
153	NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG	KHANG	04/06/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	8.7	16.7	Trường THCS Gia An		NV1
154	GIÃ THÀNH	ĐẠT	28/05/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	39.0	40.0	8.7	16.7	Trường THCS Đức Bình		NV1
155	NGUYỄN NGỌC THIÊN	LONG	11/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	8.7	16.5	Trường THCS Gia An		NV1
156	CAO THỊ QUỲNH	ANH	21/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	8.7	16.3	Trường THCS Gia An		NV1
157	TRẦN THÁI AN	NHIÊN	21/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	8.6	16.3	Trường THCS Gia An		NV1
158	VŨ MINH	QUÂN	31/10/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	39.0	40.0	8.6	16.1	Trường THCS Đức Thuận		NV1
159	NGUYỄN HOÀNG ANH	THƯ	21/07/2011	Quảng Trị	Nữ	0	0	40.0	40.0	8.6	15.8	Trường THCS Gia An		NV1
160	HUỲNH THÁI THANH	NGỌC	29/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	8.6	15.2	Trường THCS Tân Thành		NV1
161	NGUYỄN KHÁNH	THƯ	12/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	39.0	40.0	8.6	15.2	Trường THCS Đa Mi		NV1
162	ĐẶNG TRẦN	SIVA	14/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	39.0	40.0	8.6	15.1	Trường THCS Đức Thuận		NV1
163	LÊ THIÊN	KỶ	05/10/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	8.4	16.6	Trường THCS Gia An		NV1
164	NGÔ MINH	PHÚC	30/07/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	40.0	40.0	8.4	16.5	Trường THCS Gia An		NV1
165	HOÀNG NGỌC NGÂN	HÀ	01/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	40.0	40.0	8.4	16.0	Trường THCS Đức Thuận		NV1
166	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	29/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	39.0	40.0	8.1	16.1	Trường THCS Đức Thuận		NV1
167	VŨ ĐỨC MINH	QUÂN	25/06/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0.5	39.0	39.5	9.3	17.9	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
168	TUỶNG VI YẾN	NHI	15/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	1.5	37.0	39.5	8.3	15.9	Trường THCS Đức Bình		NV1
169	TRẦN MINH	KHANG	13/05/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	0	0	39.0	39.0	9.5	18.3	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
170	NGUYỄN TRƯỜNG	SƠN	25/04/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	39.0	39.0	9.2	18.4	Trường THCS Đức Thuận		NV1
171	PHẠM HOÀI	AN	31/08/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	39.0	39.0	9.2	17.9	Trường THCS Đức Thuận		NV1
172	TRẦN TẤN	HUY	04/02/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	39.0	39.0	9.1	17.7	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
173	NGUYỄN HOÀNG GIA	HIỀN	01/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	39.0	39.0	9.1	17.7	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
174	VŨ THỊ YẾN	NHI	07/12/2011	Tuyên Quang	Nữ	1.0	0	38.0	39.0	9.0	18.3	Trường THCS Gia Huynh		NV1
175	PHẠM MINH	DUY	06/02/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	39.0	39.0	9.0	17.7	Trường THCS Duy Cẩn		NV1
176	NGUYỄN PHƯƠNG	NGHI	28/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	39.0	39.0	9.0	17.6	Trường THCS Đức Thuận		NV1
177	TẠ THỊ NGỌC	ĐIỂM	04/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	39.0	39.0	9.0	17.2	Trường THCS Đức Thuận		NV1
178	NGUYỄN TRẦN HÀ	VY	28/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	39.0	39.0	9.0	17.1	Trường THCS Đức Thuận		NV1
179	TRẦN ANH	KHÔI	04/12/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	39.0	39.0	9.0	17.0	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
180	NGUYỄN THÁI NHƯ	QUỲNH	01/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	38.0	39.0	8.9	17.5	Trường THCS Đức Bình		NV1
181	LÊ SỸ	KIỆT	09/02/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	39.0	39.0	8.9	17.4	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
182	NGUYỄN NGỌC KIỀU	CHÂU	16/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	39.0	39.0	8.9	16.9	Trường THCS Gia An		NV1
183	PHAN LÊ BẢO	KHANG	26/01/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	39.0	39.0	8.9	16.7	Trường THCS Đức Thuận		NV1
184	NGUYỄN VIỆT	PHONG	07/03/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	39.0	39.0	8.9	16.7	Trường THCS Đức Thuận		NV1

185	TRẦN LÊ TRUNG	NGUYỄN	04/01/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	39.0	39.0	8.8	17.7	Trường THCS Gia An		NV1
186	TRẦN QUỐC	AN	12/08/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	39.0	39.0	8.8	17.5	Trường THCS Đức Thuận		NV1
187	TRẦN NGUYỄN THÚY	VY	17/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	39.0	39.0	8.8	17.5	Trường THCS Đức Thuận		NV1
188	LÊ NAM	TRƯỜNG	18/10/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	39.0	39.0	8.8	17.0	Trường THCS Duy Cần		NV1
189	NGUYỄN MINH	TRIỀU	20/02/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	39.0	39.0	8.8	16.5	Trường THCS Đức Thuận		NV1
190	TRẦN NGỌC THẢO	VY	21/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	39.0	39.0	8.8	16.4	Trường THCS Gia An		NV1
191	LÊ HUỖNH	NHƯ	13/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	39.0	39.0	8.7	16.9	Trường THCS Gia An		NV1
192	PHAN NGỌC MINH	KHUÊ	06/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	39.0	39.0	8.7	16.5	Trường THCS Đức Thuận		NV1
193	PHẠM THẢO	VY	25/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	39.0	39.0	8.7	16.3	Trường THCS Đức Thuận		NV1
194	VÕ KHÁNH	NAM	12/11/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	39.0	39.0	8.7	16.2	Trường THCS Đức Thuận		NV1
195	TRẦN NGUYỄN BẢO	CHÂU	20/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	39.0	39.0	8.7	16.1	Trường THCS Đức Thuận		NV1
196	NGUYỄN THANH QUỲNH	KIM	15/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	1.0	38.0	39.0	8.6	17.1	Trường THCS Nghị Đức		NV1
197	NGUYỄN SỸ	KHÁNH	28/08/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	39.0	39.0	8.6	16.6	Trường THCS Đức Thuận		NV1
198	BÙI VĂN	HÒA	17/03/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	39.0	39.0	8.6	16.5	Trường THCS Gia An		NV1
199	PHẠM LÊ MINH	HUY	20/12/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	0	0	39.0	39.0	8.6	16.0	Trường THCS Đức Thuận		NV1
200	TÔN PHẠM KHÔI	NGUYỄN	25/10/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	39.0	39.0	8.6	16.0	Trường THCS Gia Huynh		NV1
201	TRẦN THỊ KIM	NHẦN	23/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	39.0	39.0	8.6	15.3	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
202	PHAN GIA	KHẢI	29/10/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	39.0	39.0	8.5	16.7	Trường TH, THCS và THPT Lê Quý Đôn		NV1
203	ĐINH KIM	PHUỘNG	24/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	38.0	39.0	8.5	16.4	Trường THCS Đức Bình		NV1
204	ĐỖ HOÀNG	NGỌC	05/09/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	38.0	39.0	8.5	16.0	Trường THCS Đồng Kho		NV1
205	TRẦN ĐĂNG	KHOA	02/09/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	39.0	39.0	8.3	14.7	Trường THCS Duy Cần		NV1
206	NGUYỄN NGỌC	PHÚ	28/07/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	38.0	39.0	8.2	16.4	Trường THCS Đồng Kho		NV1
207	TRẦN NGỌC KIỀU	NHI	27/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	38.0	39.0	8.2	15.5	Trường THCS Đức Bình		NV1
208	ĐẶNG ĐỖ ANH	KHÔI	09/01/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	39.0	39.0	8.2	15.2	Trường THCS Đức Thuận		NV1
209	ĐINH NGUYỄN QUỲNH	ANH	01/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	38.0	39.0	8.1	14.9	Trường THCS Đức Bình		NV1
210	ĐỖ MINH	ĐẠT	30/05/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	39.0	39.0	7.9	14.0	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
211	HỒ BẢO	YẾN	08/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	38.0	38.0	9.2	18.2	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
212	TRẦN LÊ NGÂN	ANH	28/02/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	0	0	38.0	38.0	9.1	18.5	Trường THCS Gia An		NV1
213	NGUYỄN TRÍ	MINH	19/02/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	38.0	38.0	9.1	17.4	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
214	ĐỖ HUỖNH BĂNG	TÂM	15/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	38.0	38.0	8.9	16.7	Trường THCS Đức Thuận		NV1
215	TRẦN HOÀNG	THIÊN	16/07/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	0	0	38.0	38.0	8.9	16.6	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
216	NGUYỄN ĐOÀN MẠNH	QUÂN	05/05/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	38.0	38.0	8.8	16.5	Trường THCS Đức Thuận		NV1
217	ĐẶNG THỊ NGỌC	NHÂN	03/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	38.0	38.0	8.7	16.9	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
218	LÊ QUANG NGUYỄN	HỘI	28/09/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	38.0	38.0	8.7	16.4	Trường THCS Đức Thuận		NV1
219	CAO NGUYỄN NGỌC	ÁNH	18/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	38.0	38.0	8.7	16.4	Trường THCS Tân Thành		NV1
220	PHẠM BẢO	CƯỜNG	23/07/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	38.0	38.0	8.7	15.8	Trường THCS Đức Thuận		NV1
221	LÊ QUỲNH	NHƯ	08/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	38.0	38.0	8.6	17.1	Trường THCS Đức Thuận		NV1
222	ĐẶNG KIỀU	TIỀN	21/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	38.0	38.0	8.6	16.9	Trường THCS Lạc Tánh		NV1

223	NGUYỄN MINH	HY	15/08/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	38.0	38.0	8.6	16.8	Trường THCS Đức Thuận		NV1
224	ĐÀM NHẬT	TRƯỜNG	22/07/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	37.0	38.0	8.6	16.2	Trường THCS Đức Bình		NV1
225	TỬ QUỐC	TOÀN	28/08/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	38.0	38.0	8.6	16.1	Trường THCS Gia An		NV1
226	DƯƠNG THẢO NGỌC	NHI	11/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	38.0	38.0	8.6	16.0	Trường THCS Đức Thuận		NV1
227	ĐÀO GIA	KỶ	14/02/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	38.0	38.0	8.6	15.8	Trường THCS Duy Cần		NV1
228	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	NHƯ	22/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	38.0	38.0	8.5	16.7	Trường THCS Đức Thuận		NV1
229	NGUYỄN THÁI HOÀI	VY	28/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	37.0	38.0	8.5	16.7	Trường THCS Đức Bình		NV1
230	TRƯƠNG HỒ CÔNG	TẤN	23/09/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	37.0	38.0	8.4	16.6	Trường THCS Đức Bình		NV1
231	BÙI GIA	HÂN	22/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	37.0	38.0	8.4	15.7	Trường THCS Đức Thuận		NV1
232	LÊ THỊ LAN	HƯƠNG	01/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	38.0	38.0	8.4	15.4	Trường THCS Duy Cần		NV1
233	BÙI HƯƠNG	GIANG	10/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	38.0	38.0	8.3	16.4	Trường THCS Đức Thuận		NV1
234	NGUYỄN LỘC THỊ	THIỆN	11/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	37.0	38.0	8.3	15.7	Trường THCS Đức Bình		NV1
235	ĐOÀN MINH	THƯ	08/04/2011	Thành phố Huế	Nữ	0	0	38.0	38.0	8.3	15.4	Trường THCS Tân Thành		NV1
236	BÙI NGỌC	TUẤN	19/10/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	37.0	38.0	8.3	15.4	Trường THCS Đồng Kho		NV1
237	PHẠM HUỲNH PHƯƠNG	UYÊN	11/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	38.0	38.0	8.3	15.2	Trường THCS Duy Cần		NV1
238	PHẠM THỊ THANH	NGÀ	30/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	38.0	38.0	8.3	14.7	Trường THCS Duy Cần		NV1
239	ĐINH VÕ GIA	KHANG	16/11/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	37.0	38.0	8.2	16.1	Trường THCS Đồng Kho		NV1
240	NGUYỄN THÀNH	LỢI	20/12/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	37.0	38.0	8.2	15.1	Trường THCS Suối Kiết		NV1
241	CHANG BẢO	HÂN	16/05/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	37.0	38.0	8.2	14.9	Trường THCS Đức Thuận		NV1
242	TRƯƠNG TƯỜNG YẾN	VY	01/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	37.0	38.0	8.0	13.4	Trường THCS Suối Kiết		NV1
243	LÊ DUY HOÀNG	VIỆT	01/01/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	38.0	38.0	7.5	13.5	Trường THCS Đức Thuận		NV1
244	TRƯƠNG QUỲNH	ANH	15/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	37.0	37.0	9.0	16.9	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
245	LÊ NGỌC MINH	HIẾU	17/06/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	37.0	37.0	8.9	16.1	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
246	HUỲNH NGỌC	NHUNG	10/01/2011	TP. Đồng Nai	Nữ	0	0	37.0	37.0	8.8	16.5	Trường THCS Đức Thuận		NV1
247	PHẠM NGUYỄN NHƯ	Ý	18/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	37.0	37.0	8.7	17.1	Trường THCS Đức Thuận		NV1
248	TRẦN VĂN THỊNH	PHƯỚC	22/06/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	37.0	37.0	8.7	16.3	Trường THCS Đức Thuận		NV1
249	NGUYỄN HOÀNG BẢO	KHANH	26/11/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	0	0	37.0	37.0	8.7	16.2	Trường THCS Duy Cần		NV1
250	VÕ THANH	THANH	02/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	37.0	37.0	8.6	17.4	Trường THCS Gia Huỳnh		NV1
251	NGUYỄN NGỌC LINH	AN	12/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	37.0	37.0	8.6	16.4	Trường THCS Đức Thuận		NV1
252	BÙI HUỲNH THẢO	NGÂN	31/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	37.0	37.0	8.6	16.3	Trường THCS Đức Thuận		NV1
253	TẠ THỊ YẾN	NHI	20/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	36.0	37.0	8.6	16.1	Trường THCS Đức Bình		NV1
254	HOÀNG BẢO	HÂN	22/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	36.0	37.0	8.6	15.9	Trường THCS Đức Bình		NV1
255	PHAN LÊ HỒNG	NGA	13/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	37.0	37.0	8.6	15.6	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
256	NGUYỄN TRẦN NGỌC	TIỀN	28/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	37.0	37.0	8.5	16.7	Trường THCS Đức Thuận		NV1
257	BÙI KIM	HÂN	14/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	37.0	37.0	8.5	16.6	Trường THCS Duy Cần		NV1
258	HOÀNG VŨ MINH	SANG	04/08/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	37.0	37.0	8.5	16.4	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
259	ĐỖ THANH	MAI	31/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	36.0	37.0	8.5	16.2	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
260	TRẦN NGỌC KHÁNH	THY	24/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	37.0	37.0	8.5	16.1	Trường THCS Duy Cần		NV1

261	ĐỖ THANH	LOAN	31/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	36.0	37.0	8.5	15.6	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
262	HỒ ĐỨC HOÀNG	QUÂN	10/07/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	37.0	37.0	8.4	16.3	Trường THCS Gia Huynh		NV1
263	NGUYỄN NGỌC	THẮNG	22/08/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	36.0	37.0	8.4	16.0	Trường THCS Đức Bình		NV1
264	PHAN NGUYỄN KHÁNH	AN	12/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	37.0	37.0	8.4	15.7	Trường THCS Đức Thuận		NV1
265	HẠ HOÀNG	HẢI	06/09/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	37.0	37.0	8.4	15.5	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
266	NGUYỄN HUỲNH MINH	TRÍ	14/10/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	37.0	37.0	8.4	15.5	Trường THCS Đức Thuận		NV1
267	NGUYỄN	THÔNG	29/12/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	37.0	37.0	8.4	15.4	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
268	TRẦN VĂN	TRỌNG	16/08/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	0	0	37.0	37.0	8.4	15.2	Trường THCS Đức Thuận		NV1
269	NGUYỄN HỒNG	ẤN	12/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	37.0	37.0	8.4	15.1	Trường THCS Duy Cẩn		NV1
270	ĐẶNG THẾ	THIỆN	22/02/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	36.0	37.0	8.4	14.2	Trường THCS Đức Bình		NV1
271	TRẦN BÌNH	MINH	04/07/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	37.0	37.0	8.3	16.1	Trường THCS Gia An		NV1
272	LÊ Y	THUẬN	07/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	37.0	37.0	8.3	16.1	Trường THCS Gia Huynh		NV1
273	AN BẢO	CHÂU	10/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	37.0	37.0	8.3	15.9	Trường THCS Đức Thuận		NV1
274	PHẠM TRƯỜNG	AN	27/06/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	0	0	37.0	37.0	8.3	14.3	Trường THCS Đồng Kho		NV1
275	PHẠM HOÀNG	QUÂN	15/11/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	37.0	37.0	8.2	17.5	Trường THCS Gia Huynh		NV1
276	TRẦN TIỂU	ĐÀO	31/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	37.0	37.0	8.2	16.5	Trường THCS Đức Thuận		NV1
277	LÊ VÕ HOÀNG	NHƯ	11/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	37.0	37.0	8.2	15.7	Trường THCS Tân Thành		NV1
278	LÊ TRỌNG	TẤN	16/01/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	36.0	37.0	8.2	15.6	Trường THCS Suối Kiết		NV1
279	PHẠM LÊ	DANH	17/06/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	37.0	37.0	8.2	15.1	Trường THCS Gia An		NV1
280	TRẦN LONG	VĨ	31/10/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	37.0	37.0	8.2	15.1	Trường THCS Đức Thuận		NV1
281	CAO THỊ MỸ	TRÂM	08/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	36.0	37.0	8.2	15.1	Trường THCS Đức Bình		NV1
282	HUỲNH TẤN	KIỆT	02/08/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	37.0	37.0	8.2	14.9	Trường THCS Gia An		NV1
283	VÕ NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	05/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	37.0	37.0	8.1	15.7	Trường THCS Gia Huynh		NV1
284	LÊ NGUYỄN TƯỜNG	VY	10/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	37.0	37.0	8.1	15.3	Trường THCS Gia An		NV1
285	NGUYỄN VĂN	HIẾU	05/04/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	37.0	37.0	8.1	14.8	Trường THCS Gia Huynh		NV1
286	HUỲNH ĐỖ HUỆ	TRÂN	08/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	37.0	37.0	8.1	14.7	Trường THCS Gia Huynh		NV1
287	TRỊNH THỊ	HỒNG	01/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	37.0	37.0	8.0	14.4	Trường THCS Duy Cẩn		NV1
288	LÊ HỒ HẠNH	KIỀU	13/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	36.0	37.0	7.9	14.7	Trường THCS Đức Bình		NV1
289	NGUYỄN MINH	THƯ	03/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	37.0	37.0	7.8	16.0	Trường THCS Gia An		NV1
290	HỒ HOÀNG	NAM	26/05/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	36.0	37.0	7.8	13.8	Trường THCS Đức Bình		NV1
291	HÀ VÕ CÔNG	DANH	27/09/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	36.0	37.0	7.7	13.5	Trường THCS Tân Thành		NV1
292	LỘC TRUNG	TÌNH	04/10/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	36.0	37.0	7.6	13.6	Trường THCS Tân Thành		NV1
293	ĐẶNG AN	THY	02/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	36.0	37.0	7.5	13.5	Trường THCS Đức Bình		NV1
294	VÕ HUỲNH KIỀU	NHI	19/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	36.0	37.0	7.5	12.5	Trường THCS Đức Bình		NV1
295	NGÔ NGUYỄN	KHANG	02/04/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	36.0	36.0	9.2	18.1	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
296	ĐOÀN NGUYỄN DUY	KHANG	07/06/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	36.0	36.0	9.0	17.5	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
297	LÊ THẾ	VINH	02/03/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	36.0	36.0	8.6	15.8	Trường THCS Đức Thuận		NV1
298	NGUYỄN HOÀNG	SANG	20/09/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	36.0	36.0	8.5	16.4	Trường THCS Duy Cẩn		NV1

299	HÀ ĐỨC DUY	TƯỜNG	17/07/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	35.0	36.0	8.5	15.8	Trường THCS Suối Kiệt		NV1
300	NGUYỄN THÀNH	DANH	23/07/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	36.0	36.0	8.4	16.4	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
301	NGUYỄN TRẦN MINH	AN	12/06/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	0	0	36.0	36.0	8.4	16.1	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
302	TRẦN NHẬT	HUY	10/03/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	36.0	36.0	8.4	15.6	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
303	VÕ KIỀU DIỄM	MY	19/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	36.0	36.0	8.4	14.6	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
304	TRẦN THANH	PHONG	08/11/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	36.0	36.0	8.3	16.2	Trường THCS Tân Thành		NV1
305	NGUYỄN NAM	KHÁNH	25/10/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	36.0	36.0	8.2	15.9	Trường THCS Đức Tân		NV1
306	ĐÀO UYÊN HẠ	BẮNG	05/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	36.0	36.0	8.2	14.7	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
307	NGUYỄN THỊ THÚY	NGA	21/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	36.0	36.0	8.1	15.4	Trường THCS Đức Thuận		NV1
308	ĐINH THỊ THUÝ	VY	20/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	36.0	36.0	8.1	15.1	Trường THCS Gia An		NV1
309	NGUYỄN CAO BẢO	NHI	05/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	36.0	36.0	8.1	15.0	Trường THCS Đức Thuận		NV1
310	TRẦN BẢO	NGỌC	06/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	36.0	36.0	8.0	15.3	Trường THCS Tân Thành		NV1
311	MAI ĐÌNH	TUẤN	07/07/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	0	0	36.0	36.0	8.0	15.2	Trường THCS Đức Thuận		NV1
312	VŨ HOÀNG GIA	HÀO	26/02/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	36.0	36.0	8.0	14.7	Trường THCS Đức Thuận		NV1
313	NGUYỄN THỊ THẢO	MI	03/11/2011	Cà Mau	Nữ	0	0	36.0	36.0	8.0	14.2	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
314	BÙI TẤN ANH	KHOA	17/09/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	36.0	36.0	7.9	16.0	Trường THCS Gia An		NV1
315	NGUYỄN NGỌC	CƯỜNG	14/03/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	35.0	36.0	7.9	15.0	Trường THCS Đức Bình		NV1
316	LÊ NGỌC	HOÀNG	28/08/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	1.0	0	35.0	36.0	7.9	14.8	Trường THCS Suối Kiệt		NV1
317	TRẦN THỊ TỎ	TRINH	16/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	35.0	36.0	7.9	13.3	Trường THCS Suối Kiệt		NV1
318	TRẦN THỊ HOÀI	AN	22/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	36.0	36.0	7.8	15.7	Trường THCS Gia An		NV1
319	LÊ NGỌC DIỄM	THUY	19/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	36.0	36.0	7.8	15.1	Trường THCS Gia An		NV1
320	LÝ ĐÌNH	LONG	07/12/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	36.0	36.0	7.8	14.6	Trường THCS Đức Thuận		NV1
321	MAI PHAN TƯỜNG	VY	19/08/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	0	0	36.0	36.0	7.8	14.2	Trường THCS Tân Thành		NV1
322	NGUYỄN THÀNH	NGUYỄN	14/02/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	36.0	36.0	7.8	13.9	Trường THCS Duy Cẩn		NV1
323	TRƯƠNG MỸ	HOA	09/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	36.0	36.0	7.7	15.4	Trường THCS Gia Huynh		NV1
324	NGUYỄN NGỌC	HÂN	24/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	36.0	36.0	7.7	14.5	Trường THCS Đức Thuận		NV1
325	CAO THỊ MỸ	ANH	28/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	36.0	36.0	7.7	14.5	Trường THCS Duy Cẩn		NV1
326	ĐINH GIA	HÂN	26/08/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	0	0	36.0	36.0	7.6	14.9	Trường THCS Gia An		NV1
327	LÊ TRẦN THANH	HUYỀN	15/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	36.0	36.0	7.6	14.5	Trường THCS Gia Huynh		NV1
328	LÊ NGUYỄN THỊ KIM	THỦY	20/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	36.0	36.0	7.6	14.5	Trường THCS Duy Cẩn		NV1
329	LÊ PHÚC	NAM	26/09/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	35.0	36.0	7.6	14.4	Trường THCS Đức Bình		NV1
330	PHẠM THỊ XUÂN	TRẦN	25/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	36.0	36.0	7.6	14.2	Trường THCS Gia An		NV1
331	TRƯƠNG MỸ	DUYÊN	20/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	36.0	36.0	7.6	14.1	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
332	NGUYỄN ÁNH	NGỌC	24/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	36.0	36.0	7.5	15.4	Trường THCS Đức Thuận		NV1
333	NGUYỄN MINH	THỨ	20/04/2011	TP. Đồng Nai	Nữ	0	0	36.0	36.0	7.5	14.1	Trường THCS Gia Huynh		NV1
334	NGUYỄN THÀNH	TIẾN	27/05/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	36.0	36.0	7.5	14.1	Trường THCS Gia An		NV1
335	PHẠM LƯƠNG	GIANG	01/02/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	35.0	36.0	7.5	12.7	Trường THCS Đồng Kho		NV1
336	TRẦN THÀNH	AN	17/07/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	36.0	36.0	7.4	13.0	Trường THCS Duy Cẩn		NV1

337	PHAN THỊ TƯỜNG	VY	20/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	36.0	36.0	7.3	11.8	Trường THPT Tánh Linh		NV1
338	LƯƠNG THÚY	UYÊN	16/10/2011	TP. Hải Phòng	Nữ	0	0	35.0	35.0	8.8	17.9	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
339	TRƯƠNG THÙY	MY	22/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	35.0	35.0	8.6	17.2	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
340	ĐẶNG MY	NA	17/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	35.0	35.0	8.5	16.7	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
341	PHAN THỊ HOÀN	MỸ	01/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	34.0	35.0	8.5	16.1	Trường THCS Suối Kiết		NV1
342	HUỲNH NHẬT	HUY	26/12/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	34.0	35.0	8.5	15.9	Trường THCS Suối Kiết		NV1
343	ĐẶNG PHÚ	DANH	21/09/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	35.0	35.0	8.3	16.0	Trường THCS Tân Thành		NV1
344	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	20/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	35.0	35.0	8.3	15.4	Trường THCS Đức Thuận		NV1
345	LÊ NGỌC	HÂN	25/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	35.0	35.0	8.3	15.1	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
346	HỒ ĐỨC NHƯ	Ý	08/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	34.0	35.0	8.2	16.2	Trường THCS Đức Bình		NV1
347	LÊ TÂN	PHÚ	18/12/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	35.0	35.0	8.2	15.0	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
348	PHẠM QUỐC	HUY	22/05/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	34.0	35.0	8.2	14.7	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
349	ĐINH BÁO	HƯNG	24/02/2011	Quảng Trị	Nam	0	0	35.0	35.0	8.1	14.8	Trường THCS Đức Thuận		NV1
350	PHẠM NGỌC	THÁI	06/11/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	35.0	35.0	8.1	14.7	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
351	LÊ HOÀNG BÁO	HÂN	22/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	35.0	35.0	8.0	14.6	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
352	ĐẶNG QUỐC	THỊNH	14/03/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	35.0	35.0	8.0	14.5	Trường THCS Đức Thuận		NV1
353	VŨ ĐỨC	HÙNG	10/10/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	0	0	35.0	35.0	7.9	15.8	Trường THCS Đức Phú		NV1
354	HUỲNH BÁO	THY	17/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	35.0	35.0	7.9	14.9	Trường THCS Tân Thành		NV1
355	NGUYỄN LÂM HỒNG	HÂN	24/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	35.0	35.0	7.9	13.0	Trường THCS Đồng Kho		NV1
356	PHẠM GIA	HUY	28/11/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	35.0	35.0	7.8	13.1	Trường THCS Duy Cần		NV1
357	HỒ NGUYỄN MẠNH	QUÂN	27/01/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	34.0	35.0	7.7	15.6	Trường THCS Đức Bình		NV1
358	LỘC YẾN	VY	07/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	34.0	35.0	7.7	13.9	Trường THCS Tân Thành		NV1
359	CHÁU TRẦN HIỀN	TRANG	23/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	35.0	35.0	7.6	15.1	Trường THCS Gia An		NV1
360	NGUYỄN HOÀNG HỮU	TÀI	27/11/2011	Hưng Yên	Nam	1.0	0	34.0	35.0	7.6	14.7	Trường THCS Đức Bình		NV1
361	TRẦN ANH	TUẤN	09/02/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	35.0	35.0	7.6	14.2	Trường THCS Gia Huynh		NV1
362	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VY	22/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	35.0	35.0	7.5	15.3	Trường THCS Gia An		NV1
363	TRẦN MINH	THÀNH	29/01/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	34.0	35.0	7.5	14.7	Trường THCS Đức Bình		NV1
364	TRẦN NGUYỄN NHẬT	LEN	27/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	34.0	35.0	7.5	14.0	Trường THCS Đức Bình		NV1
365	ĐINH THỊ KIM	NGÂN	28/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	34.0	35.0	7.5	13.4	Trường THCS Đức Bình		NV1
366	LẠI ĐÌNH	HIẾU	05/08/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	35.0	35.0	7.5	12.8	Trường THCS Duy Cần		NV1
367	TRỊNH KHÁ	VĂN	23/06/2011	Cà Mau	Nam	1.0	0	34.0	35.0	7.3	12.3	Trường THCS Đức Bình		NV1
368	HOÀNG GIA	BẢO	31/08/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	35.0	35.0	7.0	13.2	Trường THCS Gia An		NV1
369	MAI ĐÌNH	HUY	04/11/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	34.0	34.0	8.2	15.5	Trường THCS Đức Thuận		NV1
370	NGUYỄN NGUYỄN	KHANG	03/07/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	34.0	34.0	8.2	15.4	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
371	HUỲNH TRẦN LONG	NHẬT	08/02/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	34.0	34.0	8.1	15.1	Trường THCS Gia Huynh		NV1
372	NGUYỄN QUANG	DƯƠNG	02/04/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	33.0	34.0	8.0	15.4	Trường THCS Tân Thành		NV1
373	LÊ PHƯƠNG	TIẾN	21/08/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	34.0	34.0	8.0	14.9	Trường THCS Duy Cần		NV1
374	NGUYỄN KHẮC ANH	KHOA	08/09/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	0	0	34.0	34.0	8.0	14.8	Trường THCS Đức Thuận		NV1

375	TRẦN YẾN	NHI	15/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	34.0	34.0	7.9	14.7	Trường THCS Đức Thuận		NV1
376	TRẦN MINH	ĐỨC	13/10/2011	TP. Đồng Nai	Nam	0	0	34.0	34.0	7.8	15.2	Trường THCS Đức Thuận		NV1
377	PHẠM ĐĂNG	KHÔI	28/06/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	0	0	34.0	34.0	7.8	14.7	Trường THCS Gia An		NV1
378	HUỖNH THỊ HOÀI	THƯƠNG	19/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	33.0	34.0	7.8	14.4	Trường THCS Đức Bình		NV1
379	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	19/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	34.0	34.0	7.8	14.1	Trường THCS Tân Thành		NV1
380	TRẦN ĐẠI	NHÂN	07/11/2011	Đồng Nai	Nam	0	0	34.0	34.0	7.7	14.4	Trường THCS Tân Thành		NV1
381	NGUYỄN ĐỖ BẢO	NAM	10/08/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	34.0	34.0	7.7	13.9	Trường THCS Đức Thuận		NV1
382	NGUYỄN HÀ TÚ	ANH	16/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	34.0	34.0	7.6	13.8	Trường THCS Gia An		NV1
383	NGUYỄN THỊ THANH	TRÀ	09/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	34.0	34.0	7.6	13.1	Trường THCS Duy Cẩn		NV1
384	VÕ TÂM	NHƯ	30/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	34.0	34.0	7.5	14.8	Trường THCS Đức Thuận		NV1
385	NGUYỄN THỊ DIỄM	HẬU	17/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	34.0	34.0	7.4	14.5	Trường THCS Gia Huynh		NV1
386	NGUYỄN TƯỜNG	PHI	23/06/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	0	0	34.0	34.0	7.4	14.1	Trường THCS Đức Thuận		NV1
387	NGUYỄN ANH	KHA	12/05/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	34.0	34.0	7.4	12.9	Trường THCS Gia An		NV1
388	NGUYỄN QUÝ HOÀNG	NHÂN	07/06/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	34.0	34.0	7.2	14.3	Trường THCS Gia An		NV1
389	NGUYỄN XUÂN	SÁNG	05/06/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	34.0	34.0	7.2	14.2	Trường THCS Đức Thuận		NV1
390	PHAN ĐỖ HẢI	LAM	16/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	34.0	34.0	7.2	13.9	Trường THCS Đức Thuận		NV1
391	NGUYỄN VÕ BẢO	NHI	15/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	34.0	34.0	7.2	13.3	Trường THCS Đức Thuận		NV1
392	NGUYỄN VÕ BẢO	NHƯ	26/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	34.0	34.0	7.1	14.0	Trường THCS Gia An		NV1
393	NGUYỄN TRỌNG	HOÀNG	24/06/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	34.0	34.0	7.0	12.8	Trường THCS Gia An		NV1
394	TRẦN MINH	LÂM	08/02/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	34.0	34.0	6.9	12.4	Trường THCS Gia An		NV1
395	THẬP THỊ THẢO	NGHI	20/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	33.0	34.0	6.8	11.2	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
396	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	21/07/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	34.0	34.0	6.6	13.0	Trường THCS Gia An		NV1
397	ĐINH ĐẶNG BẢO	THI	17/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	33.0	34.0	6.6	11.4	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
398	TRÀ THỊ THÙY	LINH	28/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	33.0	34.0	6.3	10.5	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
399	HOÀNG THỊ THUÝ	AN	01/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	33.0	33.0	8.4	15.9	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
400	LÊ PHƯỚC THẢO	NHI	29/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	33.0	33.0	8.3	15.9	Trường THCS Tân Thành		NV1
401	HỒ THANH	SANG	20/10/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	33.0	33.0	8.3	15.5	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
402	CHU THỊ MỸ	NHIÊN	30/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	32.0	33.0	8.0	15.4	Trường THCS Đức Bình		NV1
403	TRẦN THỊ NGỌC	GIÀU	25/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	33.0	33.0	8.0	14.4	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
404	HUỖNH	NGHĨA	14/05/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	33.0	33.0	7.9	15.1	Trường THCS Gia Huynh		NV1
405	LÊ CHÍ	HIẾU	10/08/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	33.0	33.0	7.9	14.5	Trường THCS Duy Cẩn		NV1
406	LÊ TRÚC	PHƯƠNG	16/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	32.0	33.0	7.9	14.5	Trường THCS Tân Thành		NV1
407	NGUYỄN NGỌC TRÀ	MY	04/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	32.0	33.0	7.9	13.8	Trường THCS Suối Kiết		NV1
408	TRẦN HỒ GIA	NGHI	29/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	33.0	33.0	7.8	13.9	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
409	PHẠM THỊ MỸ	TIỀN	03/06/2011	TP. Đồng Nai	Nữ	0	0	33.0	33.0	7.7	14.4	Trường THCS Gia Huynh		NV1
410	PHẠM NGỌC TRÀ	MY	19/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	32.0	33.0	7.7	13.4	Trường THCS Đức Bình		NV1
411	NGUYỄN TẤN	ĐẠI	03/03/2011	Quảng Ngãi	Nam	0	0	33.0	33.0	7.7	13.4	Trường THCS Duy Cẩn		NV1
412	TẠ VĂN	TÀI	31/05/2011	Bắc Ninh	Nam	0	0	33.0	33.0	7.6	14.2	Trường THCS Đức Thuận		NV1

413	HOÀNG HỒ NHƯ	Ý	29/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	32.0	33.0	7.6	13.8	Trường THCS Đức Bình		NV1
414	NGUYỄN QUỐC	LỢI	05/02/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	33.0	33.0	7.6	13.1	Trường THCS Duy Cần		NV1
415	TRẦN HOÀI	DANH	09/01/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	32.0	33.0	7.5	12.6	Trường THCS Đức Bình		NV1
416	LÊ KIỀU DIỄM	HÀNG	06/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	32.0	33.0	7.4	13.5	Trường THCS Đức Bình		NV1
417	NGÔ THỊ THANH	THÙY	21/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	32.0	33.0	7.3	14.2	Trường TH&THCS La Ngâu		NV1
418	LỘC TẤN	TÀI	21/02/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	32.0	33.0	7.3	13.7	Trường THCS Đức Thuận		NV1
419	VÕ MINH	LUÂN	21/08/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	33.0	33.0	7.2	13.3	Trường THCS Duy Cần		NV1
420	VÕ ANH	HÀO	30/10/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	33.0	33.0	7.2	13.1	Trường THCS Gia An		NV1
421	VÕ TẤN	ĐẠT	17/07/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	33.0	33.0	7.1	13.5	Trường THCS Đức Thuận		NV1
422	NGUYỄN TRỌNG	TRÍ	13/07/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	33.0	33.0	7.1	13.3	Trường THCS Gia An		NV1
423	ĐÀO THÁI BẢO	NGUYỄN	24/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	32.0	33.0	7.1	11.7	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
424	TRẦN THỊ KHÁNH	LINH	13/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	32.0	33.0	6.8	11.3	Trường THCS Đức Bình		NV1
425	LINH TIẾN	PHÁT	25/06/2011	TP. Đồng Nai	Nam	1.0	0	32.0	33.0	6.6	12.8	Trường THPT Tánh Linh		NV1
426	PHẠM THỊ CHÂU	THI	26/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	32.0	33.0	6.2	11.2	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
427	LÊ NGUYỄN MAI	HƯƠNG	26/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	32.0	32.0	8.4	15.6	Trường THCS Đức Thuận		NV1
428	TRƯƠNG HOÀNG	QUÂN	12/11/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	32.0	32.0	8.2	15.7	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
429	NGUYỄN ĐỨC	TOÀN	03/09/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	32.0	32.0	8.1	15.5	Trường THCS Đức Thuận		NV1
430	NGUYỄN HUỶNH NGỌC	DIỆP	19/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	31.0	32.0	8.1	14.3	Trường THCS Suối Kiết		NV1
431	TRẦN TẤN	PHÁT	25/12/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	31.0	32.0	8.0	14.4	Trường THCS Suối Kiết		NV1
432	LÊ NGỌC DIỄM	TRINH	11/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	32.0	32.0	7.7	13.8	Trường THCS Gia Huynh		NV1
433	VÕ HUỶNH HOÀI	TRÍ	21/07/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	31.0	32.0	7.7	13.6	Trường THCS Đức Bình		NV1
434	VÕ TRẦN GIA	HÂN	14/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	32.0	32.0	7.6	15.0	Trường THCS Gia An		NV1
435	NGUYỄN XUÂN	PHÚC	26/03/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	31.0	32.0	7.6	13.9	Trường THCS Suối Kiết		NV1
436	NGUYỄN XUÂN	QUYÊN	24/05/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	32.0	32.0	7.6	13.3	Trường THCS Gia Huynh		NV1
437	LÊ VĂN	THẮNG	20/05/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	31.0	32.0	7.6	13.1	Trường THCS Đức Bình		NV1
438	ĐỖ NGỌC QUỲNH	NHƯ	07/08/2011	TP. Đồng Nai	Nữ	0	0	32.0	32.0	7.5	15.0	Trường THCS Gia Huynh		NV1
439	PHẠM MINH	KHANG	25/10/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	32.0	32.0	7.4	14.2	Trường THCS Duy Cần		NV1
440	HOÀNG THỊ MỸ	UYÊN	11/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	32.0	32.0	7.4	14.0	Trường THCS Đức Thuận		NV1
441	NGUYỄN GIA	HUY	27/06/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	31.0	32.0	7.4	13.1	Trường THCS Đức Bình		NV1
442	TRỊNH THANG THÁI	AN	07/07/2011	TP. Đồng Nai	Nữ	1.0	0	31.0	32.0	7.4	12.0	Trường THCS Suối Kiết		NV1
443	TẠ TRẦN THỊ NHƯ	HOA	14/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	32.0	32.0	7.2	13.5	Trường THCS Duy Cần		NV1
444	NGUYỄN NGỌC THÙY	DƯƠNG	17/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	32.0	32.0	7.2	13.4	Trường THCS Duy Cần		NV1
445	TRẦN ANH	HIỀN	03/04/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	32.0	32.0	7.1	13.1	Trường THCS Gia An		NV1
446	PHẠM TIẾN	MINH	26/10/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	32.0	32.0	7.1	12.4	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
447	NGUYỄN ÁNH	QUYÊN	30/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	32.0	32.0	7.0	13.5	Trường THPT Tánh Linh		NV1
448	HỒ THỊ YẾN	THANH	17/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	31.0	32.0	7.0	13.4	Trường THCS Đức Bình		NV1
449	NGUYỄN CÔNG	DUY	19/10/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	32.0	32.0	7.0	13.0	Trường THCS Gia An		NV1
450	HỒ NGỌC	PHÚ	11/07/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	0	0	32.0	32.0	7.0	12.9	Trường THCS Gia An		NV1

451	NGUYỄN HÀ HUY	ANH	03/05/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	32.0	32.0	6.9	13.8	Trường THCS Gia An		NV1
452	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	30/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	31.0	32.0	6.9	12.8	Trường THCS Tân Thành		NV1
453	LÊ TRẦN TRUNG	HIẾU	22/05/2011	Vĩnh Long	Nam	0	0	32.0	32.0	6.9	12.0	Trường THCS Gia An		NV1
454	NGUYỄN TIẾN	PHÁT	07/12/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	32.0	32.0	6.8	12.5	Trường THCS Gia An		NV1
455	NGUYỄN HUỖNH NGỌC	QUÝ	09/04/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	32.0	32.0	6.6	13.2	Trường THCS Gia An		NV1
456	TRẦN THỊ ÁNH	NGUYỆT	29/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	31.0	31.0	8.3	15.5	Trường THCS Đức Thuận		NV1
457	LƯƠNG THIÊN	NHÂN	21/01/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	30.0	31.0	8.1	14.6	Trường THCS Đức Bình		NV1
458	LÊ QUỲNH	GIANG	21/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	30.0	31.0	7.8	14.0	Trường THCS Suối Kiết		NV1
459	ĐOÀN TIẾN	MINH	22/03/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	31.0	31.0	7.6	14.6	Trường THCS Đức Thuận		NV1
460	ĐỖ TIẾN	PHƯỚC	27/02/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	31.0	31.0	7.6	13.4	Trường THCS Đức Thuận		NV1
461	LÊ THỊ TƯỜNG	UYÊN	23/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	31.0	31.0	7.5	14.3	Trường THCS Duy Cần		NV1
462	TRẦN VIỆT	NGHIÊM	25/09/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	1.0	0	30.0	31.0	7.5	14.3	Trường THCS Đức Bình		NV1
463	ĐINH THỊ THU	HÀ	11/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	31.0	31.0	7.5	13.9	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
464	NGUYỄN NHƯ	NGỌC	11/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	31.0	31.0	7.4	13.7	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
465	PHẠM NGUYỄN PHƯỚC	THỊNH	01/11/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	31.0	31.0	7.4	12.3	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
466	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	29/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	30.0	31.0	7.2	13.5	Trường THCS Đức Bình		NV1
467	NGUYỄN NGỌC TUYẾT	NHI	15/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	30.0	31.0	7.2	13.5	Trường THCS Tân Thành		NV1
468	NGUYỄN ĐỨC	HUY	09/06/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	31.0	31.0	7.2	12.6	Trường THCS Đức Thuận		NV1
469	DƯƠNG HOÀNG NGỌC	LINH	28/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	30.0	31.0	7.1	14.0	Trường THCS Đức Thuận		NV1
470	LƯƠNG ĐÌNH NGUYỆT	MINH	18/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	30.0	31.0	7.0	13.1	Trường THCS Đức Thuận		NV1
471	LÊ THỊ HẢI	YẾN	01/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	31.0	31.0	7.0	12.2	Trường THCS Đức Thuận		NV1
472	TRẦN LÊ A	PHỐN	12/02/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	31.0	31.0	6.6	12.7	Trường THCS Gia An		NV1
473	HỨA THỊ HOÀI	LINH	26/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	30.0	31.0	6.5	11.4	Trường THCS Đức Thuận		NV1
474	LÊ HOÀNG NHÃ	UYÊN	31/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	30.0	30.0	7.9	14.2	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
475	TRẦN KIM	HUỆ	02/01/2011	TP. Đồng Nai	Nữ	0	0	30.0	30.0	7.8	14.2	Trường THCS Gia Huynh		NV1
476	CAO GIA	HUY	12/12/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	29.0	30.0	7.7	13.4	Trường THCS Đức Bình		NV1
477	HOÀNG VY DIỆU	THẢO	19/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	29.0	30.0	7.6	13.0	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
478	ĐỖ THỊ THANH	NGỌC	10/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	30.0	30.0	7.5	12.6	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
479	PHAN TRỌNG	TRÍ	25/10/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	30.0	30.0	7.4	13.3	Trường THCS Gia Huynh		NV1
480	TRẦN ĐÌNH	PHÁT	31/07/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	29.0	30.0	7.4	13.3	Trường THCS Suối Kiết		NV1
481	VÕ HOÀNG BẢO	NGUYỄN	07/09/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	29.0	30.0	7.4	13.0	Trường THCS Đức Bình		NV1
482	ĐẶNG TRẦN PHÚC	LỢI	13/07/2010	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	29.0	30.0	7.4	13.0	Trường THCS Suối Kiết		NV1
483	NGUYỄN TẤN HOÀNG PHI	LONG	21/11/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	30.0	30.0	7.3	14.0	Trường THCS Gia Huynh		NV1
484	DƯƠNG THỊ QUỲNH	NHƯ	07/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	30.0	30.0	7.3	13.6	Trường THCS Đức Thuận		NV1
485	NGUYỄN TRẦN NHƯ	QUỲNH	21/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	30.0	30.0	7.3	12.6	Trường THCS Gia An		NV1
486	HUỖNH LY	NA	15/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	30.0	30.0	7.2	13.7	Trường THCS Gia An		NV1
487	NGUYỄN SỸ	PHÚ	19/02/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	29.0	30.0	7.2	13.1	Trường THCS Đồng Kho		NV1
488	HOÀNG NHẬT	VY	23/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	29.0	30.0	7.2	12.3	Trường THCS Đức Bình		NV1

489	NGUYỄN QUANG VINH	30/08/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	30.0	30.0	7.1	14.4	Trường THCS Gia An		NV1
490	ĐINH NGỌC BẢO TRÂN	15/08/2011	TP. Cần Thơ	Nữ	1.0	0	29.0	30.0	7.1	13.1	Trường THCS Đức Bình		NV1
491	NGUYỄN THỊ THÙY TRÂM	02/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	30.0	30.0	7.1	12.9	Trường THCS Đức Thuận		NV1
492	NGUYỄN THỊ MỸ PHƯỚC	28/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	30.0	30.0	7.1	12.9	Trường THCS Đức Thuận		NV1
493	THÔNG MINH KHÁNH	21/01/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	29.0	30.0	7.1	12.7	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
494	ĐỖ KIM PHỤNG	21/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	29.0	30.0	7.1	11.6	Trường THCS Đức Bình		NV1
495	LÊ HUỖNH MỸ AN	18/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	30.0	30.0	7.0	13.7	Trường THCS Gia An		NV1
496	NGUYỄN QUỐC HƯNG	10/02/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	30.0	30.0	6.9	13.8	Trường THCS Gia An		NV1
497	MAI HUỖNH VĂN MINH	06/10/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	30.0	30.0	6.9	13.7	Trường THCS Gia An		NV1
498	BẠCH THANH QUANG	22/07/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	30.0	30.0	6.9	13.3	Trường THCS Gia An		NV1
499	PHẠM THỊ THU TRÂN	13/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	30.0	30.0	6.9	13.0	Trường THCS Đức Thuận		NV1
500	NGUYỄN HOÀI KHANH	01/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	30.0	30.0	6.8	13.2	Trường THCS Gia An		NV1
501	HUỖNH TẤN PHÁT	25/11/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	30.0	30.0	6.8	12.2	Trường THCS Duy Cần		NV1
502	NGUYỄN CHỈ THỌ	19/11/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	30.0	30.0	6.8	11.5	Trường THCS Duy Cần		NV1
503	NGUYỄN THỊ CẨM TIỀN	07/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	30.0	30.0	6.7	12.6	Trường THCS Gia An		NV1
504	VÕ TẤN VIỆT	07/05/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	30.0	30.0	6.6	11.1	Trường THCS Duy Cần		NV1
505	VÕ ĐĂNG KHÔI	30/09/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	30.0	30.0	6.5	13.6	Trường THCS Gia An		NV1
506	TRẦN TRUNG NINH	24/10/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	30.0	30.0	6.3	12.3	Trường THCS Gia An		NV1
507	TRIỆU NGỌC YẾN	17/08/2011	An Giang	Nữ	1.0	0	28.0	29.0	8.2	16.1	Trường THCS Suối Kiết		NV1
508	LƯU ĐÔNG ĐÔ	03/11/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	29.0	29.0	8.2	15.9	Trường THCS Đức Thuận		NV1
509	PHAN PHẠM KHÁNH TÂM	15/07/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	29.0	29.0	7.9	14.4	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
510	NGUYỄN THỊ XUÂN QUỲNH	17/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	29.0	29.0	7.9	13.7	Trường THCS Gia Huynh		NV1
511	NGUYỄN TRẦN THẢO NHI	20/08/2011	TP. Đồng Nai	Nữ	0	0	29.0	29.0	7.7	14.8	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
512	NGUYỄN VÕ QUỲNH TRÂM	08/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	28.0	29.0	7.7	12.1	Trường THCS Suối Kiết		NV1
513	TRẦN THỊ MỸ TÂM	10/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	28.0	29.0	7.6	14.2	Trường THCS Đức Bình		NV1
514	NGUYỄN HUỖNH BẢO TRÂM	08/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	29.0	29.0	7.6	13.3	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
515	NGUYỄN LÊ MINH KHOA	28/08/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	29.0	29.0	7.6	13.1	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
516	NGUYỄN GIA HÂN	27/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	29.0	29.0	7.6	13.1	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
517	HUỖNH BẢO ÂN	20/06/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	29.0	29.0	7.5	14.3	Trường THCS Duy Cần		NV1
518	NGUYỄN THỊ BẢO TRÂM	08/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	29.0	29.0	7.5	14.3	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
519	ĐINH MAI PHƯƠNG	29/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	28.0	29.0	7.5	13.6	Trường THCS Đức Bình		NV1
520	TRẦN TỬ ANH THU'	08/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	28.0	29.0	7.5	12.9	Trường THCS Suối Kiết		NV1
521	VÕ TRẦN GIA HOÀNG	05/09/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	29.0	29.0	7.5	12.6	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
522	BÙI NGỌC ĐĂNG KHOA	13/12/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	29.0	29.0	7.4	13.9	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
523	NGUYỄN THÁI TUẤN KIẾT	10/02/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	29.0	29.0	7.4	13.7	Trường THCS Duy Cần		NV1
524	PHẠM THỊ THU TRÚC	13/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	29.0	29.0	7.3	14.3	Trường THCS Đức Thuận		NV1
525	TRỊNH ĐĂNG THẮNG	20/11/2010	Lâm Đồng	Nam	0	0	29.0	29.0	7.1	13.6	Trường THCS Duy Cần		NV1
526	NGUYỄN PHẠM KHÁNH HƯNG	18/03/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	28.0	29.0	7.0	12.7	Trường THCS Đức Bình		NV1

527	VÕ QUỐC	KHÁNH	24/08/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	29.0	29.0	6.9	12.1	Trường THCS Duy Cần		NV1
528	DƯƠNG	THIỆN	08/03/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	28.0	29.0	6.9	11.5	Trường THCS Đức Bình		NV1
529	LÊ NGỌC	ĐÔNG	09/10/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	29.0	29.0	6.7	12.9	Trường THCS Gia An		NV1
530	GIA THỊ NHƯ	XUÂN	16/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	28.0	29.0	6.7	11.8	Trường THCS Tân Thành		NV1
531	TRẦN LÊ NHẬT	TIỀN	26/10/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	0	0	29.0	29.0	6.4	11.7	Trường THCS Gia An		NV1
532	TRẦN THỊ	THẢO	14/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	28.0	29.0	6.4	11.1	Trường THCS Đức Thuận		NV1
533	HÀ NGỌC	SANG	23/08/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	28.0	29.0	6.4	10.2	Trường THCS Đức Bình		NV1
534	LÊ QUANG	VINH	17/04/2011	TP. Đồng Nai	Nam	1.0	0	28.0	29.0	6.3	11.5	Trường THCS Đức Bình		NV1
535	THÔNG THỊ THANH	TUYỀN	13/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	28.0	29.0	6.3	10.5	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
536	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	24/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	28.0	29.0	5.4	10.3	Trường THCS Đức Thuận		NV1
537	MAN THỊ	QUỲNH	20/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	28.0	29.0	5.2	9.7	Trường THCS Đức Thuận		NV1
538	VÕ MINH	KỶ	08/01/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	28.0	28.0	7.6	14.1	Trường THCS Duy Cần		NV1
539	TRỊNH TÂN	PHÁT	11/10/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	28.0	28.0	7.6	13.7	Trường THCS Tân Thành		NV1
540	NGUYỄN ĐÌNH	KHÔI	06/11/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	28.0	28.0	7.6	13.1	Trường THCS Gia Huynh		NV1
541	HUỲNH THIÊN	KÝ	01/11/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	28.0	28.0	7.5	14.6	Trường THCS Duy Cần		NV1
542	LÊ ANH	ĐẠT	27/09/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	28.0	28.0	7.5	14.0	Trường THCS Tân Thành		NV1
543	NGUYỄN LƯƠNG THUỶ	TIỀN	02/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	28.0	28.0	7.4	13.4	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
544	HUỲNH THỊ BẢO	NGỌC	03/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	27.0	28.0	7.4	11.2	Trường THCS Suối Kiết		NV1
545	VŨ GIA	ĐẠT	08/10/2011	Đắk Lắk	Nam	0	0	28.0	28.0	7.3	13.3	Trường THCS Duy Cần		NV1
546	ÔNG GIA	BẢO	29/11/2011	TP. Đồng Nai	Nam	1.0	0	27.0	28.0	7.3	13.0	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
547	NGUYỄN THANH	VỸ	25/05/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	27.0	28.0	7.2	14.1	Trường THCS Đức Bình		NV1
548	NGUYỄN MINH TUẤN	KHANG	22/06/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	28.0	28.0	7.2	13.6	Trường THCS Duy Cần		NV1
549	HÀ HUY	TIỀN	07/06/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	27.0	28.0	7.2	12.1	Trường THCS Đức Bình		NV1
550	PHẠM HOÀNG MỸ	NGỌC	30/09/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	0	0	28.0	28.0	7.2	11.6	Trường THCS Duy Cần		NV1
551	THÔNG LÊ PHÚC	ĐẠT	28/09/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	27.0	28.0	7.1	13.9	Trường THCS Đức Thuận		NV1
552	K' TRẦN THIÊN	ÂN	30/04/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	27.0	28.0	7.0	13.3	Trường THCS Đức Thuận		NV1
553	BÙI THỊ MINH	THƯ	17/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	28.0	28.0	7.0	12.7	Trường THCS Duy Cần		NV1
554	NGUYỄN THÁI	KHA	18/07/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	28.0	28.0	7.0	12.6	Trường THCS Duy Cần		NV1
555	CAO NGUYỄN KHÁNH	HÙNG	31/12/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	28.0	28.0	7.0	12.2	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
556	LÊ MỸ	QUÂN	16/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	28.0	28.0	6.9	13.3	Trường THCS Gia An		NV1
557	VÕ NGUYỄN	KHANH	30/11/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	27.0	28.0	6.9	12.4	Trường THCS Gia Huynh		NV1
558	NGUYỄN GIA	PHÁT	06/01/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	27.0	28.0	6.9	10.7	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
559	LÊ MINH	ĐẠT	12/06/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	28.0	28.0	6.8	12.1	Trường THCS Duy Cần		NV1
560	NGUYỄN HUỲNH NGỌC	PHÚ	09/04/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	28.0	28.0	6.7	12.8	Trường THCS Gia An		NV1
561	NGÔ THANH	VÂN	30/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	28.0	28.0	6.7	12.7	Trường THCS Gia An		NV1
562	LÊ THỊ HỒNG	THẨM	19/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	28.0	28.0	6.7	12.4	Trường THCS Gia An		NV1
563	TRẦN TUẤN	KHANG	28/09/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	28.0	28.0	6.6	12.7	Trường THCS Gia An		NV1
564	TRẦN ANH	KIỆT	27/07/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	0	0	28.0	28.0	6.6	12.5	Trường THCS Gia An		NV1

565	ĐÌNH TRÀ	MY	26/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	27.0	28.0	6.6	12.1	Trường THCS Đức Bình		NV1
566	NGUYỄN PHÚ	TRỌNG	17/06/2011	Nghệ An	Nam	1.0	0	27.0	28.0	6.6	11.3	Trường THCS Đức Bình		NV1
567	NGÔ QUANG	PHÁT	06/01/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	0	0	28.0	28.0	6.5	12.4	Trường THCS Gia An		NV1
568	NGUYỄN VĂN	TOÀN	03/05/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	28.0	28.0	6.4	11.6	Trường THCS Gia Huynh		NV1
569	LÊ THỊ HỒNG	HẠNH	26/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	28.0	28.0	6.3	11.8	Trường THCS Gia An		NV1
570	HOÀNG MINH	TIẾN	14/03/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	27.0	28.0	6.3	10.8	Trường TH&THCS La Ngâu		NV1
571	NGUYỄN QUANG	CƯỜNG	15/04/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	28.0	28.0	6.0	10.1	Trường THCS Duy Cần		NV1
572	NGUYỄN CÔNG	VINH	04/03/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	28.0	28.0	5.9	10.3	Trường THCS Gia An		NV1
573	NGUYỄN VĂN	KIỆT	17/12/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	28.0	28.0	5.8	10.3	Trường THCS Gia An		NV1
574	TRẦN HUYỀN	VỸ	02/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	27.0	27.0	8.0	14.5	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
575	LÊ DIỆP THIÊN	PHÚ	16/06/2011	Khánh Hòa	Nam	0	0	27.0	27.0	7.8	15.5	Trường THCS Gia Huynh		NV1
576	PHẠM NGUYỄN	VŨ	20/07/2010	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	7.8	12.3	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
577	CHUNG GIA	TUỆ	05/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	27.0	27.0	7.7	14.0	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
578	ĐOÀN LÊ DIỆU	HIỀN	10/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	27.0	27.0	7.7	13.3	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
579	VÔ MINH	QUÂN	04/06/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	7.5	13.6	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
580	ĐỒNG THỊ YẾN	THƠ	25/02/2011	Vĩnh Long	Nữ	0	0	27.0	27.0	7.5	13.5	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
581	VÔ ĐĂNG	SÁNG	03/09/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	7.5	13.1	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
582	ĐỒNG THỊ YẾN	THƯ	25/02/2011	Vĩnh Long	Nữ	0	0	27.0	27.0	7.4	13.1	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
583	PHÙNG VĂN	TUẤN	13/07/2011	Lạng Sơn	Nam	1.0	0	26.0	27.0	7.3	14.3	Trường THCS Duy Cần		NV1
584	ĐẶNG TRUNG	KIÊN	02/08/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	7.3	13.3	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
585	TẶNG THỊ KIỀU	MY	18/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	27.0	27.0	7.3	13.2	Trường THCS Gia Huynh		NV1
586	ĐÌNH NHẬT	CƯỜNG	16/05/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	7.2	13.5	Trường THCS Đức Thuận		NV1
587	HUỲNH HỮU	HUYNH	27/07/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	7.2	13.5	Trường THCS Gia Huynh		NV1
588	VÔ HỮU GIA	HÙNG	29/07/2009	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	7.2	12.9	Trường THCS Đức Thuận		NV1
589	NGUYỄN TIẾN	DỤNG	12/05/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	7.2	12.1	Trường THCS Lạc Tánh		NV1
590	NGÔ LÝ GIA	BẢO	16/09/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	7.1	13.6	Trường THCS Đức Thuận		NV1
591	NGUYỄN DIỆU	LIÊN	18/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	26.0	27.0	7.1	13.1	Trường THCS Đức Bình		NV1
592	NGUYỄN DUY	NHÂN	06/05/2010	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	7.1	13.0	Trường THCS Gia Huynh		NV1
593	BÙI THANH	TÙNG	17/04/2011	TP. Đồng Nai	Nam	1.0	0	26.0	27.0	7.1	12.1	Trường THCS Suối Kiết		NV1
594	PHÙNG LÊ BẢO	TRÂN	10/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	27.0	27.0	7.0	13.5	Trường THCS Duy Cần		NV1
595	TRẦN LIÊM	CHÍNH	19/04/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	7.0	12.9	Trường THCS Đức Thuận		NV1
596	LÊ THỊ TRÀ	MY	27/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	0	0	27.0	27.0	7.0	12.8	Trường THCS Đức Thuận		NV1
597	PHẠM ĐĂNG	KHOA	23/06/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	7.0	12.6	Trường THCS Đức Thuận		NV1
598	TRẦN THỊ BÍCH	TIẾN	16/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	26.0	27.0	7.0	11.5	Trường THCS Suối Kiết		NV1
599	NGÔ CÔNG	VÂN	13/12/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	6.9	13.5	Trường THCS Gia Huynh		NV1
600	NGÔ THÀNH	THỊNH	16/10/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	6.9	13.3	Trường THCS Gia An		NV1
601	TRẦN THỊ HÀ	LIÊN	11/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	27.0	27.0	6.9	12.7	Trường THCS Đức Thuận		NV1
602	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRINH	13/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	27.0	27.0	6.8	13.1	Trường THCS Duy Cần		NV1

603	TRẦN	CHÍNH	28/10/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	6.7	13.3	Trường THCS Gia An		NV1
604	NGUYỄN TUẤN	KHANG	15/07/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	6.7	12.6	Trường THCS Gia An		NV1
605	ĐỖ QUỐC	THỊNH	06/10/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	6.7	12.4	Trường THCS Đức Thuận		NV1
606	TRẦN HẠO	THIÊN	06/08/2010	An Giang	Nam	0	0	27.0	27.0	6.6	12.4	Trường THCS Đức Thuận		NV1
607	NGUYỄN TẤN TRUÔNG	THỊNH	25/03/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	6.6	12.4	Trường THCS Duy Cẩn		NV1
608	LÊ ĐẠI	AN	25/05/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	6.6	11.6	Trường THCS Gia Huỳnh		NV1
609	NGUYỄN CAO	TRÍ	15/05/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	26.0	27.0	6.6	11.4	Trường THCS Đức Bình		NV1
610	TRẦN HẢO	NAM	26/12/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	26.0	27.0	6.5	11.8	Trường THCS Đức Thuận		NV1
611	NGUYỄN PHƯỚC HOÀI	ĐAN	01/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	27.0	27.0	6.4	11.7	Trường THCS Đức Thuận		NV1
612	NGUYỄN TIẾN	QUY	22/05/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	6.3	12.0	Trường THCS Gia An		NV1
613	PHAN THỊ THU	HUYỀN	13/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	27.0	27.0	6.3	11.6	Trường THCS Đức Thuận		NV1
614	PHẠM CAO	NGUYỄN	08/08/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	26.0	27.0	6.3	10.5	Trường THCS Đức Bình		NV1
615	HUỲNH TRUNG	QUỐC	15/08/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	6.2	11.5	Trường THCS Gia An		NV1
616	TRẦN VĂN	TOÀN	09/09/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	26.0	27.0	6.2	10.7	Trường THCS Đức Thuận		NV1
617	VỊ THỊ	OANH	18/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	1.0	0	26.0	27.0	6.1	11.2	Trường THCS Tân Thành		NV1
618	NGUYỄN NHẬT	NAM	11/05/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	5.9	10.4	Trường THCS Duy Cẩn		NV1
619	NGUYỄN SƠN	NAM	12/09/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	5.8	10.9	Trường THCS Gia An		NV1
620	TRƯƠNG THỊ YẾN	NHI	16/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	0	0	27.0	27.0	5.8	10.5	Trường THCS Gia An		NV1
621	NGUYỄN DUY	KHANG	30/04/2011	Lâm Đồng	Nam	0	0	27.0	27.0	5.8	10.1	Trường THCS Duy Cẩn		NV1
622	TRẦN VĂN	SÁU	04/10/2011	Lâm Đồng	Nam	1.0	0	26.0	27.0	5.1	10.0	Trường THCS Đức Thuận		NV1

Danh sách này có 622 học sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phạm Ngọc Trí

